TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/11/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Phạm Thanh Trà;

2/- Bà Trần Thị Cẩm Lệ.

- Thư ký phiên tòa: *Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: *Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 302/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ánh H**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/- Bị đơn: Anh **Võ Minh T,** sinh năm 1981.

Địa chỉ: phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chị H và anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh H trình bày: Chị và anh Võ Minh T chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa tây, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên bỏ nhà đi chơi qua đêm nên vợ chồng thường gây gỗ, cải vã. Đến tháng 3/2018 anh T chính thức có quan hệ với người phụ nữ bên ngoài và chính thức bỏ nhà đi chung sống với người đó và làm đơn xin ly hôn với chị, tại Tòa chị không đồng ý ly hôn và xin hòa giải

hàn gắn, sau đó anh T không về nhà, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không hàn gắn được.

- Về con chung: Anh, chị có 02 đứa con chung tên Võ Trọng Q, sinh năm 2005 và Võ Thị Ngọc D, sinh năm 2007, hiện do chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: khôngyêu cầu giải quyết.

Những vấn đề chị Nguyễn Thị Ánh H yêu cầu Tòa án giải quyết: chấp nhận cho chị được ly hôn với anh Võ Minh T; yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng.

* Bị đơn anh Võ Minh T không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* Tại phiên tòa:

Chị H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Anh T vắng mặt không lý do.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Võ Thị Ánh H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

Anh Võ Minh T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị Ánh H và anh Võ Minh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa Tây cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 15/4/2004.

Theo trình bày của chị Ánh H tại đơn khởi kiện và bản tự khai xác định tình trạng mâu thuẫn vợ cH phát sinh do anh T thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ bên ngoài nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị H yêu cầu được ly hôn với anh T do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Sau khi nhận được các thông báo về việc thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án triệu tập để hòa giải, anh T không có văn bản phản đối yêu cầu của chị H, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa.

Thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ánh H và anh T thực tế có phát sinh; anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân giữa anh và chị H; Mặt khác: vào tháng 7/2018 anh T với tư cách nguyên đơn có đơn khởi kiện ly hôn với chị H và sau đó rút lại toàn bộ đơn khởi kiện nhưng đến nay anh, chị không hàn gắn được tình cảm vợ cH.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng mâu thuẫn vợ cH giữa chị H và anh T không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T.

[3]. Về con chung:

Giữa chị H và anh T có 02 đứa con chung tên Võ Trọng Q sinh ngày 27/6/2005 và Võ Thị Ngọc D sinh ngày 16/12/2007, hiện do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu tiếp tục nuôi con chung.

Tại phiếu lấy ý kiến con chưa thành niên 02 cháu Q và D đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Anh T không có ý kiến gì về việc nuôi con chung.

Thấy rằng: Hai cháu Q và D hiện đang sống ổn định với chị H, yêu cầu nuôi con của H là phù hợp theo nguyện vọng của 02 cháu nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị H, giao 02 cháu Quý và Diễm cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, anh T không có ý kiến phản đối nên xem như mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con do chị H yêu cầu là phù hợp với khả năng thu nhập thực tế của anh T.

Thấy rằng: yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của các cháu, phù hợp khả năng thu nhập thực tế của anh T, phù hợp theo quy định tại các Điều 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí:

Chị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ánh H được ly hôn với anh Võ Minh T.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Võ Trọng Q sinh ngày 27/6/2005 và Võ Thị Ngọc D sinh ngày 16/12/2007 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng. Thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ tháng 12/2018 đến khi cháu Quý và Diễm đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3.Về án phí:

Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01781 ngày 20/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị H không phải nộp tiếp tiền án phí.

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

+ Chị H và anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Tiền Giang;
-VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- UBND xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT